**TÌM HIỂU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN CỦA DOANH NGHIỆP THÔNG QUA CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN.**

Khả năng thanh toán của doanh nghiệp cho biết năng lực tài chính trước mắt và lâu dài của doanh nghiệp. Khả năng thanh toán của doanh nghiệp càng cao, năng lực tài chính càng lớn, an ninh tài chính càng vững chắc và ngược lại, khả năng thanh toán của doanh nghiệp càng thấp, năng lực tài chính càng nhỏ và an ninh tài chính sẽ kém bền vững. Trong số các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán nợ dài hạn có 3 chỉ tiêu mà doanh nghiệp thường chú trọng đến đó là: Tỷ suất nợ trên vốn cổ phần, tỷ suất nợ trên tổng tài sản và khả năng thanh toán lãi vay.

Từ khóa: D/E, khả năng thanh toán lãi vay, tỷ suất nợ trên tài sản.

1. **Các chỉ tiêu cơ bản phản ánh khả năng thanh toán trong dài hạn của doanh nghiệp**
	1. Tỷ suất Nợ/ Vốn cổ phần (D/E) :

Là những thuật ngữ liên quan đến tình trạng sức khoẻ tài chính của doanh nghiệp, hệ số thanh toán nợ là một trong nhiều hệ số được sử dụng để đo lường khả năng của một công ty để đáp ứng những khoản nợ trong dài hạn. Hệ số thanh toán nợ đo lường tổng số thu nhập sau thuế của công ty, bao gồm cả các chi phí phi tiền mặt được giảm trừ, so với tổng nợ phải trả của công ty. Nó cung cấp một sự đo lường về việc làm thế nào để các công ty có thể tiếp tục đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ của mình.

Các ngành nghề kinh doanh khác nhau sẽ có hệ số thanh toán nợ khác nhau, tuy nhiên hệ số thanh toán nợ của một công ty càng thấp thì công ty đó càng có khả năng kiểm soát về các khoản nợ phải trả của mình.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  D/E | =  |  Tỷ suất Nợ Vốn cổ phần |

Chỉ tiêu này cho biết độ lớn đòn bẩy tài chính của doanh nghiệp là bao nhiêu khi sử dụng cả nợ ngắn hạn và dài hạn. Đồng thời đây cũng là chỉ số phản ánh quy mô tài chính của một doanh nghiệp, thông thường nếu DE ở mức cao có nghĩa là doanh nghiệp thường thông qua các khoản nợ để chi trả cho các hoạt động của mình. Điều này sẽ dẫn đến thu nhập không ổn định, vì công ty thường phải trả các khoản lãi phát sinh. Tỷ lệ nợ trên vốn cổ phần cũng phụ thuộc nhiều vào ngành, lĩnh vực mà công ty hoạt động. Ví dụ, các ngành cần sử dụng nhiều vốn như sản xuất ôtô thì tỷ lệ DERcó xu hướng cao hơn 2, trong khi các công ty máy tính cá nhân thì chỉ có mức DER dưới 0.5%.

* 1. Tỷ suất nợ / Tổng tài sản

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tỷ suất nợ / Tổng tài sản | =  | Nợ ngắn hạn + Nợ dài hạn Tổng tài sản |

Tỷ số này cho biết có bao nhiêu phần trăm tài sản của doanh nghiệp là từ đi vay. Qua đây biết được khả năng tự chủ tài chính của doanh nghiệp. Nếu tỷ số này quá nhỏ, chứng tỏ doanh nghiệp vay ít. Điều này có thể hàm ý doanh nghiệp có khả năng tự chủ tài chính cao. Song nó cũng có thể hàm ý là doanh nghiệp chưa biết khai thác đòn bẩy tài chính, tức là chưa biết cách huy động vốn bằng hình thức đi vay. Ngược lại, tỷ số này mà cao quá hàm ý doanh nghiệp không có thực lực tài chính mà chủ yếu đi vay để có vốn kinh doanh. Điều này cũng hàm ý là mức độ rủi ro của doanh nghiệp cao hơn.
Khi dùng tỷ số này để đánh giá cần so sánh tỷ số của một doanh nghiệp cá biệt nào đó với tỷ số bình quân của toàn ngành.

* 1. Hệ số khả năng thanh toán lãi vay

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hệ số khả năng thanh toán lãi vay | =  | Lợi nhuận trước thuế Chi phí lãi vay |

Hệ số khả năng thanh toán lãi vay cho biết mức độ lợi nhuận đảm bảo khả năng trả lãi như thế nào. Nếu công ty quá yếu về mặt này, các chủ nợ có thể đi đến gây sức ép lên công ty, thậm chí dẫn tới phá sản công ty. Hệ số khả năng thanh toán lãi vay được tính bằng tỷ số giữa lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT) trên lãi vay: Trong đó Lãi trước thuế và lãi vay cũng như Lãi vay là của năm cuối hoặc là tổng của 4 quý gần nhất. Việc tìm xem một công ty có thể thực hiện trả lãi đến mức độ nào cũng rất quan trọng. Rõ ràng, khả năng thanh toán lãi vay càng cao thì khả năng thanh toán lãi của doanh nghiệp cho các chủ nợ của mình càng lớn.

1. **Một số chỉ tiêu khác được sử dụng để phản ánh khả năng thanh toán trong dài hạn của doanh nghiệp**

Vay nợ  dài hạn là một thành phần quan trọng trong các nguồn huy động vốn cho hoạt

động kinhdoanh của doanh nghiệp nên khả năng thanh toán nợ thường gắn liền với cơ cấu vốn của doanh nghiệp. Ngoài các chỉ tiêu cơ bản được sử dụng để đánh giá khả năng thanh toán nợ trong dài hạn, một số chỉ tiêu khác như: Hệ số nợ phải trả/ tài sản đảm bảo, Hệ số thanh toán của TSDH/ nợ dài han, hệ số khả năng thanh toán chi phí tài trợ cố định cũng được xem là những yếu tố cơ bản phản ánh khả năng thanh toán nợ trong dài hạn.

- Đối với chỉ tiêu Hệ số nợ/ tài sản đảm bảo:

Tỷ số tổng nợ trên tổng tài sản được sử dụng để xác định nghĩa vụ của chủ doanh nghiệp đối với các chủ nợ trong việc góp vốn. Công thức tính tỷ số tổng nợ trên tổng tài sản như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hệ số nợ/ tài sản đảm bảo | = |  Tổng tài sảnTổng tài sản – TS vô hình + Quyền sử dụng đất |

Trong đó tổng nợ và tổng tài sản được lấy từ quý hoặc năm gần nhất, tùy theo Doanh nghiệp định tính tỷ số này cho quý hay năm.
Thông thường các chủ nợ muốn tỷ số nợ trên tổng tài sản vừa phải vì tỷ số này càng thấp thì khoản nợ càng được đảm bảo trong trường hợp doanh nghiệp bị phá sản. Trong khi đó, các chủ sở hữu doanh nghiệp lại muốn tỷ số này cao vì họ muốn lợi nhuận gia tăng nhanh và muốn toàn quyền kiểm soát doanh nghiệp. Tỷ số này cao thể hiện sự bất lợi đối với các chủ nợ nhưng lại có lợi cho chủ sở hữu nếu  đồng vốn được sử dụng có khả năng sinh lợi cao. Tuy nhiên, nếu tỷ số tổng nợ trên tổng tài sản quá cao, doanh nghiệp dễ bị rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.
Ví dụ: Giả sử Ngân hàng A cho doanh nghiệp X và Y vay vốn, DN X có hệ số nợ/ tài sản đảm bảo là 0,5, DN Y có hệ số nợ/ tài sản đảm bảo là 0,6. Giả sử trong trường hợp cả 2 DN đều phá sản thì khả năng ngân hàng A đòi lại toàn bộ số nợ của DN X sẽ cao hơn so với DN Y.
 Để có nhận xét đúng đắn về tỷ số tổng nợ trên tổng tài sản cần phải kết hợp với các tỷ số khác, nhưng nếu tỷ số tổng nợ trên tổng tài sản cao, chúng ta có thể kết luận trong tương lai doanh nghiệp sẽ khó huy động tiền vay để tiến hành kinh doanh, sản xuất.

- Hệ số thanh toán của TSDH/ nợ dài hạn

Được xác định bằng công thức:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hệ số thanh toán của TSDH/ nợ dài hạn | = |  Tài sản dài hạn Nợ dài hạn |

Chỉ tiêu hệ số thanh toán của tài sản dài hạn đối với nợ dài hạn thể hiện khả năng bù đắp cho các chủ nợ dài hạn của DN. Chỉ tiêu này càng cao , thể hiện các khoản nợ dài hạn càng được bảo đảm an toán.Để thận trọng hơn trong việc đánh giá khả năng bù đắp cho các chủ nợ tài sản dài hạn, chúng ta có thể loại bỏ các tài sản vô hình sẽ không còn giá trị khi DN phá sản giống nhưu chỉ tiêu Hệ số nợ/ tài sản bảo đảm. Các chỉ tiêu này có thể không phản ánh đúng khả năng bù đắp cho các chủ nợ trong trường hợp DN phá sản do cơ sở số liệu của các chỉ tiêu này là bảng cân đối kế toán với hạng mục tài sản được phản ánh theo giá gốc, mà không phải là giá thị thường; trong khi giá thị trường mới là cơ sở hợp lí để đánh giá khả năng bù đắp cho các chủ nợ khi DN phá sản.

- Hệ số khả năng thanh toán chi phí tài trợ cố định

Để có thể thanh toán lãi vay cho các nhà cung cấp tín dụng, DN cần sử dụng vốn vay có hiệu quả , chính vì vậy chỉ tiêu thường được sử dụng để phân tích khả năng thanh toán lãi vay là hệ số khả năng thanh toán lãi vay. Bên cạnh chỉ tiêu hệ số khả năng thanh toán lãi vay, chúng ta có thể sử dụng chỉ tiêu hệ số khả năng thanh toán chi phí tài trợ cố định.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hệ số khả năng thanh toán chi phí tài trợ cố định  | = |  EBIT + Chi phí tài trợ cố định khác Chi phí lãi vay + chi phí tài trợ cố định khác. |

Trong thực tế ngoài chi phí lãi vay DN còn phải chi trả một số khoản khác có bản chất giống như chi phí lãi vay, đó là tiền lãi cho các tài sản cố định thuê tài chính hoặc cổ tức cho cổ phần ưu đãi.

Ví dụ: Trong năm công ty không phát sinh các khoản chi phí tài trợ cố định khác thì hệ số khả năng thanh toán chi phí tài trợ cố định sẽ bằng với hệ số thanh toán lãi vay.Có thể thấy VCS có khả năng thanh toán dài hạn tốt trong khi công ty không huy động vốn vay nợ dài hạn. điều này có nghĩa là, nếu công ty muốn huy động vốn vay nợ dài hạn để thay đổi cấu trúc tài chính của mình, phát huy tác dụng của đòn bẩy tài chính thì khả năng thành công là rất cao , các nhà cung cấp tín dụng sẵn sang tài trợ vốn cho VCS.

 **3**.**Kết luận:** Nợ dài hạn là một thành phần quan trọng trong các nguồn huy động vốn cho hoạt động kinh doanh của DN nên khả năng thanh toán gốc vay nợ dài hạn gắn liền với cơ cấu nguồn vốn của Doanh nghiệp . Do đó, đánh giá khả năng thanh toán các khoản nợ dài hạn là điều cần thiết, giúp doanh nghiệp xác định các rủi ro liên quan đến quá trình sử dụng vốn vay từ đó có các phương thức huy động vốn phù hợp.

**Tài liệu tham khảo:**

1. <http://www.investopedia.com/articles/investing/100313/financial-analysis-solvency-vs-liquidity-ratios.asp>, truy cập ngày 5 tháng 8 năm 2017.
2. Ryan C. Fuhrmann, CFA,CFA Institute of America, Analyzing Investments With Solvency Ratios.